

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /BGDDT-GDPT

V/v góp ý dự thảo Thông tư ban hành
Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh
và phối hợp giáo dục giữa gia đình với
cơ sở giáo dục

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Các Sở Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2026, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng dự thảo Thông tư ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh và phối hợp giáo dục giữa gia đình với cơ sở giáo dục nhằm thay thế Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Thông tư và thực hiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo:

Tổ chức nghiên cứu, góp ý đối với dự thảo Thông tư và các tài liệu gửi kèm.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có tổ chức giảng dạy chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tổ chức lấy ý kiến của cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, Ban đại diện cha mẹ học sinh, cha mẹ học sinh và các tổ chức, cá nhân có liên quan đối với dự thảo Thông tư.

Tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý, trong đó nêu rõ các nội dung thống nhất, các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung, lý do và kiến nghị (theo mẫu gửi kèm), gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Giáo dục Phổ thông).

Đề nghị Quý Sở gửi báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 22 tháng 7 năm 2026 để tổng hợp, nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo Thông tư.

Khi cần thêm thông tin liên hệ Bà Nguyễn Thị Quý, Chuyên viên Vụ Giáo dục Phổ thông, email: ntquy@moet.gov.vn; điện thoại: 0976457029).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Thường trực
Phạm Ngọc Thưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ GDPT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

**Thái Văn Tài**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**Phụ lục****BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN THÔNG TƯ SỐ 55/2011/TT-BGDĐT VÀ GÓP Ý DỰ THẢO THÔNG TƯ BAN HÀNH ĐIỀU LỆ BAN ĐẠI DIỆN CHA MẸ HỌC SINH VÀ PHỐI HỢP GIÁO DỤC GIỮA GIA ĐÌNH VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC***(Kèm theo Công văn số 424/BGDĐT-GDPT ngày 09 tháng 7 năm 2026)***SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

.....

PHẦN I**ĐÁNH GIÁ VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN THÔNG TƯ SỐ 55/2011/TT-BGDĐT****1. Khái quát tình hình triển khai**

- Công tác chỉ đạo, hướng dẫn triển khai tại địa phương.
- Tình hình tổ chức Ban đại diện cha mẹ học sinh tại các cơ sở giáo dục.
- Phạm vi, quy mô triển khai

2. Kết quả đạt được

- Đánh giá những kết quả nổi bật trong việc thực hiện Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT, nhất là:

- Công tác phối hợp giữa gia đình và cơ sở giáo dục;
- Hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- Việc huy động sự tham gia của cha mẹ học sinh trong các hoạt động giáo dục;
- Các mô hình, cách làm hiệu quả (nếu có).

3. Khó khăn, vướng mắc, bất cập

Đề nghị nêu rõ:

- Những quy định không còn phù hợp;
- Những khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện;
- Những nội dung còn chồng chéo, chưa thống nhất với các quy định hiện hành;
- Các vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

4. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan;
- Nguyên nhân chủ quan.

5. Kiến nghị, đề xuất

Đề nghị nêu rõ những quy định của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ; phân tích lý do, căn cứ và đề xuất phương án xử lý nhằm bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và yêu cầu đổi mới giáo dục.

PHẦN II**GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO THÔNG TƯ****1. Tình hình tổ chức lấy ý kiến:**

Đề nghị báo cáo việc tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo Thông tư; nêu rõ số lượng cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, Ban đại diện cha mẹ học sinh, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác tham gia góp ý (nếu có).

2. Tổng hợp nội dung góp ý:

Chương/Điều/khoản	Nội dung dự thảo	Nội dung góp ý	Lí do

3. Ý kiến khác

4. Kiến nghị, đề xuất:

..... ngày tháng năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT

(kí và đóng dấu)

Số: /2026/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DƯ THẢO 1

THÔNG TƯ**Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh
và phối hợp giáo dục giữa gia đình với cơ sở giáo dục**

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Phổ thông,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh và phối hợp giáo dục giữa gia đình với cơ sở giáo dục

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh và phối hợp giáo dục giữa gia đình với cơ sở giáo dục.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Phổ thông, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Các cơ quan quản lý giáo dục có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư và Điều lệ ban hành kèm theo Thông tư; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Người đứng đầu cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Điều lệ ban hành kèm theo Thông tư này; bảo đảm các điều kiện cần thiết để Ban đại diện cha mẹ học sinh được tổ chức và hoạt động theo quy định.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Ban đại diện cha mẹ học sinh đã được thành lập trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ hoặc được kiện toàn, bầu mới theo quy định của Điều lệ ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Các khoản hỗ trợ tự nguyện đã được tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục quản lý, sử dụng theo nội dung đã được Hội nghị cha mẹ học sinh thống nhất tại thời điểm tiếp nhận; việc công khai, quyết toán và xử lý số dư kinh phí (nếu có) được thực hiện theo quy định của Điều lệ ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, cơ sở giáo dục có trách nhiệm rà soát, kiện toàn tổ chức và hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh; rà soát, điều chỉnh việc vận động, tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản hỗ trợ

tự nguyện và các quy định nội bộ có liên quan để bảo đảm phù hợp với quy định của Thông tư và Điều lệ ban hành kèm theo Thông tư.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.
2. Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHXH của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng;
- Như Điều 2 (để thực hiện);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- UBND tỉnh, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ GDPT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Ngọc Thưởng

ĐIỀU LỆ

**Ban đại diện cha mẹ học sinh
và phối hợp giáo dục giữa gia đình với cơ sở giáo dục**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2026/TT-BGDĐT ngày ... tháng ... năm
2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định:

- a) Nguyên tắc, nội dung và hình thức phối hợp giữa gia đình với cơ sở giáo dục trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý và giáo dục người học;
- b) Tổ chức và hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- c) Việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng, công khai và xử lý khoản hỗ trợ tự nguyện phục vụ hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- d) Trách nhiệm của cha mẹ học sinh, Ban đại diện cha mẹ học sinh, cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Thông tư này.

2. Đối tượng áp dụng

Điều lệ này áp dụng đối với:

- a) Cha mẹ học sinh và người giám hộ hợp pháp của người học;
- b) Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- c) Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục nghề nghiệp có tổ chức giảng dạy chương trình giáo dục phổ thông theo quy định của pháp luật;
- d) Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục;
- đ) Cơ quan quản lý giáo dục, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1. Cha mẹ học sinh bao gồm cha, mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của người học theo quy định của pháp luật.
- 2. Người học là trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non; học sinh trong cơ sở giáo dục phổ thông; học viên học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục thường xuyên; người học học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

3. Phối hợp giáo dục là việc gia đình, cơ sở giáo dục và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trao đổi thông tin, phối hợp, hỗ trợ và chia sẻ trách nhiệm trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý và giáo dục người học theo quy định của pháp luật.

4. Khoản hỗ trợ tự nguyện là khoản tiền hoặc hình thức hỗ trợ hợp pháp khác do cha mẹ học sinh tự nguyện đóng góp để phục vụ hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh theo quy định của Thông tư này; không phải là khoản thu của cơ sở giáo dục; không làm phát sinh nghĩa vụ đóng góp bắt buộc và không thay thế trách nhiệm của Nhà nước, cơ sở giáo dục trong việc bảo đảm các điều kiện thực hiện hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện Thông tư

1. Tuân thủ quy định của pháp luật; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người học; phù hợp với mục tiêu giáo dục và quy định của từng cấp học, trình độ đào tạo.

2. Bảo đảm sự phối hợp thường xuyên, bình đẳng, tôn trọng và chia sẻ trách nhiệm giữa gia đình, cơ sở giáo dục và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý và giáo dục người học;

3. Ban đại diện cha mẹ học sinh là tổ chức đại diện của cha mẹ học sinh, được thành lập nhằm hỗ trợ thực hiện việc phối hợp giữa gia đình với cơ sở giáo dục trong chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý và giáo dục người học theo quy định của Thông tư này.

4. Bảo đảm đúng vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể; không làm thay, không can thiệp hoặc làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục, người đứng đầu cơ sở giáo dục, nhà giáo và các chủ thể khác theo quy định của pháp luật.

5. Bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, tự nguyện và trách nhiệm giải trình trong việc tổ chức và hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh; việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng khoản hỗ trợ tự nguyện phải đúng mục đích, đúng phạm vi, công khai, minh bạch và không làm phát sinh nghĩa vụ đóng góp bắt buộc dưới bất kỳ hình thức nào.

6. Bảo đảm quyền được thông tin, tham gia, phản ánh, kiến nghị và giám sát của cha mẹ học sinh theo quy định của pháp luật.

7. Bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và dữ liệu cá nhân của người học, cha mẹ học sinh và các chủ thể có liên quan theo quy định của pháp luật.

Chương II

PHỐI HỢP GIÁO DỤC GIỮA GIA ĐÌNH VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC

Điều 4. Nội dung phối hợp giáo dục

Gia đình và cơ sở giáo dục phối hợp thực hiện các nội dung sau đây:

1. Chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý và giáo dục người học; theo dõi, hỗ trợ quá trình học tập, rèn luyện và phát triển phẩm chất, năng lực của người học.

2. . Giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử, kỹ năng sống, ý thức chấp hành pháp luật, trách nhiệm công dân; giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa gia đình và truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

3. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; bảo đảm an toàn cho người học; phòng, chống tai nạn thương tích, bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, tệ nạn xã hội và các nguy cơ ảnh hưởng đến người học.

4. Tư vấn tâm lý, hướng nghiệp, phân luồng; phát hiện, hỗ trợ và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của người học trong học tập, rèn luyện và phát triển.

5. Phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục theo kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục phù hợp với chương trình giáo dục và điều kiện thực tế.

6. Giáo dục, quản lý và hỗ trợ người học tham gia môi trường số an toàn, lành mạnh; bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và phòng ngừa rủi ro trên môi trường mạng.

7. Trao đổi thông tin; phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tư vấn, hỗ trợ và giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh liên quan đến người học theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hình thức phối hợp giáo dục

1. Việc phối hợp giáo dục được thực hiện thường xuyên, liên tục thông qua một hoặc nhiều hình thức phù hợp với mục tiêu giáo dục, đặc điểm của người học và điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục.

2. Việc phối hợp giáo dục được thực hiện thông qua một hoặc nhiều hình thức sau đây:

- a) Hội nghị cha mẹ học sinh;
- b) Trao đổi trực tiếp giữa cha mẹ học sinh với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục hoặc người đứng đầu cơ sở giáo dục;
- c) Trao đổi thông qua sổ liên lạc, sổ liên lạc điện tử hoặc các phương tiện thông tin liên lạc của cơ sở giáo dục;
- d) Trao đổi thông qua hệ thống thông tin, cổng thông tin điện tử, ứng dụng hoặc nền tảng số của cơ sở giáo dục;
- đ) Các cuộc họp, hội nghị, tọa đàm, hội thảo có sự tham gia của cha mẹ học sinh;
- e) Hình thức khác phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục và quy định của pháp luật.

3. Việc lựa chọn hình thức phối hợp giáo dục phải bảo đảm kịp thời, thuận tiện, hiệu quả, phù hợp với điều kiện của gia đình và cơ sở giáo dục; không làm phát sinh thủ tục hành chính, nghĩa vụ tài chính hoặc yêu cầu cung cấp thông tin ngoài quy định của pháp luật.

Điều 6. Trách nhiệm của cha mẹ học sinh

1. Phối hợp với cơ sở giáo dục trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý và giáo dục người học; tạo điều kiện để người học học tập, rèn luyện, phát triển phẩm chất, năng lực và phát triển toàn diện theo mục tiêu giáo dục.

2. Theo dõi tình hình học tập, rèn luyện, sức khỏe và sự phát triển của người học; chủ động trao đổi, phối hợp với cơ sở giáo dục để kịp thời hỗ trợ, giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến người học.

3. Tham gia góp ý trực tiếp hoặc thông qua Ban đại diện cha mẹ học sinh đối với các nội dung thuộc phạm vi phối hợp giáo dục theo quy định của pháp luật; việc góp ý

phải khách quan, xây dựng, tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp và thẩm quyền của cơ sở giáo dục, nhà giáo và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Phối hợp với cơ sở giáo dục trong việc giáo dục, quản lý và hỗ trợ người học tham gia môi trường số an toàn, lành mạnh; hình thành kỹ năng sống, văn hóa ứng xử, ý thức chấp hành pháp luật, kỹ năng tự bảo vệ và trách nhiệm của công dân trên môi trường số.

5. Thực hiện quyền tham gia, phản ánh, kiến nghị và giám sát theo quy định của pháp luật; phối hợp xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh và hợp tác.

6. Tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; không lợi dụng quyền tham gia, phản ánh, kiến nghị hoặc giám sát để xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoặc cản trở hoạt động giáo dục.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục và người đứng đầu cơ sở giáo dục

1. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phối hợp giáo dục phù hợp với mục tiêu giáo dục, đặc điểm của người học và điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục;

b) Thiết lập, duy trì các kênh trao đổi thông tin với cha mẹ học sinh; cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin thuộc phạm vi trách nhiệm của cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật;

c) Chủ động phối hợp với gia đình trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý, giáo dục và bảo vệ người học; kịp thời trao đổi, phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến người học;

d) Bảo đảm các điều kiện để cha mẹ học sinh và Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện quyền, trách nhiệm theo quy định của Thông tư này;

đ) Thực hiện công khai các khoản thu theo quy định của pháp luật; phân định rõ các khoản thu của cơ sở giáo dục với khoản hỗ trợ tự nguyện của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

2. Người đứng đầu cơ sở giáo dục có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm về việc thực hiện Thông tư này tại cơ sở giáo dục;

b) Chỉ đạo xây dựng, tổ chức thực hiện và đánh giá hoạt động phối hợp giáo dục giữa gia đình với cơ sở giáo dục; bảo đảm các điều kiện để cha mẹ học sinh và Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện quyền, trách nhiệm theo quy định của Thông tư này;

c) Chỉ đạo việc thành lập, kiện toàn và tạo điều kiện để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo đúng quy định; tiếp nhận, tổ chức trao đổi, đối thoại khi cần thiết; giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các phản ánh, kiến nghị của cha mẹ học sinh theo quy định của pháp luật;

d) Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm trong việc thực hiện Thông tư này theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý việc lợi dụng Ban đại diện cha mẹ học sinh hoặc Hội nghị cha mẹ học sinh để thực hiện các khoản thu, khoản vận động hoặc hoạt động khác trái quy định của pháp luật;

e) Bảo đảm Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Thông tư này; không giao, ủy quyền, nhân danh hoặc sử dụng Ban đại diện cha mẹ học sinh để thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của cơ sở giáo dục; không giao Ban đại diện cha mẹ học sinh thu hộ hoặc thực hiện các khoản thu của cơ sở giáo dục;

g) Bảo đảm việc phối hợp giữa gia đình với cơ sở giáo dục được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; không để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoặc cha mẹ học sinh can thiệp trái quy định vào hoạt động quản trị, quản lý và hoạt động chuyên môn của cơ sở giáo dục.

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với gia đình và cơ sở giáo dục trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý và giáo dục người học theo quy định của pháp luật.

2. Tham gia hoặc phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục; tư vấn, hỗ trợ và phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến người học; hỗ trợ xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Đối thoại, tiếp nhận và xử lý kiến nghị

1. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm thiết lập, công khai và duy trì các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cha mẹ học sinh theo quy định của pháp luật.

2. Người đứng đầu cơ sở giáo dục tổ chức trao đổi, đối thoại khi cần thiết hoặc theo đề nghị của cha mẹ học sinh hoặc Ban đại diện cha mẹ học sinh nhằm làm rõ thông tin, tăng cường phối hợp giữa gia đình với cơ sở giáo dục và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến người học theo quy định của pháp luật.

3. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết các phản ánh, kiến nghị; thông báo kết quả giải quyết cho tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

4. Việc tiếp nhận, trao đổi, đối thoại và giải quyết phản ánh, kiến nghị phải được thực hiện kịp thời, khách quan, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục (nếu có) và quy định của pháp luật; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người học, cha mẹ học sinh, nhà giáo, cơ sở giáo dục và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương III

BAN ĐẠI DIỆN CHA MẸ HỌC SINH

Điều 10. Vị trí của Ban đại diện cha mẹ học sinh

1. Ban đại diện cha mẹ học sinh là tổ chức đại diện của cha mẹ học sinh được thành lập tại lớp học và cơ sở giáo dục theo quy định của Thông tư này.

2. Ban đại diện cha mẹ học sinh đại diện cho cha mẹ học sinh trong quan hệ phối hợp với cơ sở giáo dục để thực hiện các nội dung phối hợp giáo dục theo quy định của Thông tư này.

3. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Thông tư này; không thực hiện chức năng quản trị, quản lý, điều hành cơ sở giáo dục; không quyết định hoặc thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền của cơ

sở giáo dục, người đứng đầu cơ sở giáo dục hoặc cơ quan quản lý giáo dục; không can thiệp vào hoạt động chuyên môn của cơ sở giáo dục và nhà giáo.

4. Ban đại diện cha mẹ học sinh không có tư cách pháp nhân, không có con dấu, không có tài khoản riêng; không được nhân danh cơ sở giáo dục hoặc tổ chức, cá nhân khác để xác lập, thực hiện giao dịch hoặc thực hiện hoạt động vượt quá nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Thông tư này.

Điều 11. Thành lập, tổ chức và kiện toàn Ban đại diện cha mẹ học sinh

1. Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp

a) Được thành lập tại mỗi lớp học của cơ sở giáo dục và được bầu tại Hội nghị cha mẹ học sinh đầu năm học;

b) Có không quá 15 thành viên, gồm Trưởng ban, một hoặc các Phó Trưởng ban và các thành viên khác; số lượng thành viên phù hợp với quy mô lớp học và điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục;

c) Thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp là cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của người học đang học tại lớp đó.

2. Ban đại diện cha mẹ học sinh trường

a) Được thành lập tại mỗi cơ sở giáo dục và được bầu tại Hội nghị Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp đầu năm học;

b) Có từ 05 đến 15 thành viên, gồm Trưởng ban, một hoặc các Phó Trưởng ban và các thành viên khác; số lượng thành viên phù hợp với quy mô, loại hình và cấp học của cơ sở giáo dục;

c) Thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh trường là Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp;

d) Đối với cơ sở giáo dục có nhiều cấp học, cơ cấu Ban đại diện cha mẹ học sinh trường phải bảo đảm có đại diện của các cấp học.

3. Thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Là cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của người học đang học tại lớp hoặc cơ sở giáo dục nơi Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập;

b) Tự nguyện tham gia Ban đại diện cha mẹ học sinh;

c) Có tinh thần trách nhiệm, uy tín và khả năng phối hợp với cơ sở giáo dục trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý và giáo dục người học;

d) Chấp hành quy định của pháp luật và quy định của cơ sở giáo dục.

4. Nhiệm kỳ của Ban đại diện cha mẹ học sinh là một năm học và kết thúc khi Ban đại diện cha mẹ học sinh của năm học tiếp theo được thành lập.

5. Ban đại diện cha mẹ học sinh được kiện toàn trong các trường hợp sau đây:

a) Thành viên không còn đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Thành viên có nguyện vọng thôi tham gia;

c) Người học chuyển trường, thôi học hoặc hoàn thành chương trình học;

d) Thành viên bị miễn nhiệm theo quy định của Thông tư này.

6. Việc bầu, bổ sung, thay thế và kiện toàn thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh được thực hiện theo quy định của Thông tư này, bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch và tự nguyện.

Điều 12. Nhiệm vụ quyền hạn của Ban đại diện cha mẹ học sinh

1. Ban đại diện cha mẹ học sinh có các nhiệm vụ sau đây:

a) Phối hợp với cơ sở giáo dục, nhà giáo và cha mẹ học sinh thực hiện các nội dung phối hợp giáo dục theo quy định tại Chương II của Thông tư này;

b) Phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục theo kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục;

c) Tiếp nhận, tổng hợp ý kiến, nguyện vọng của cha mẹ học sinh để phản ánh, kiến nghị với cơ sở giáo dục;

d) Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng và công khai khoản hỗ trợ tự nguyện theo quy định tại Chương IV của Thông tư này;

đ) Tuyên truyền, vận động cha mẹ học sinh thực hiện trách nhiệm phối hợp với cơ sở giáo dục trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý và giáo dục người học theo quy định của Thông tư này.

2. Ban đại diện cha mẹ học sinh có các quyền sau đây:

a) Được cung cấp thông tin thuộc phạm vi phối hợp giáo dục theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình;

b) Kiến nghị với người đứng đầu cơ sở giáo dục các giải pháp nâng cao hiệu quả phối hợp giáo dục và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh;

c) Tham gia góp ý đối với các nội dung thuộc phạm vi phối hợp giáo dục theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường ban đại diện cha mẹ học sinh có trách nhiệm:

a) Tổ chức, điều hành hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh; phân công nhiệm vụ cho các thành viên và chủ trì các cuộc họp của Ban;

b) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Ban đại diện cha mẹ học sinh theo quy định của Thông tư này;

c) Báo cáo, giải trình trước Hội nghị cha mẹ học sinh về hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh và việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN CHA MẸ HỌC SINH

Điều 13. Hội nghị cha mẹ học sinh

1. Hội nghị cha mẹ học sinh là hình thức phối hợp giữa cha mẹ học sinh với cơ sở giáo dục nhằm trao đổi thông tin, thống nhất các nội dung phối hợp giáo dục; bầu, bổ sung, thay thế hoặc kiện toàn Ban đại diện cha mẹ học sinh và thảo luận các nội dung thuộc phạm vi quy định của Thông tư này.

2. Hội nghị cha mẹ học sinh được tổ chức hai lần trong một năm học, gồm Hội nghị đầu năm học và Hội nghị cuối năm học. Trường hợp cần thiết, Hội nghị cha mẹ học sinh được tổ chức bất thường theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Hội nghị cha mẹ học sinh bất thường được tổ chức khi cần thiết theo đề nghị của cơ sở giáo dục, Ban đại diện cha mẹ học sinh hoặc của ít nhất một phần ba tổng số cha mẹ học sinh của lớp hoặc cơ sở giáo dục.

4. Hội nghị cha mẹ học sinh được tổ chức theo hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục.

5. Hội nghị cha mẹ học sinh thảo luận, thống nhất các nội dung sau đây:

a) Nội dung, hình thức và biện pháp phối hợp giáo dục giữa gia đình với cơ sở giáo dục;

b) Chủ trương tiếp nhận, sử dụng và công khai khoản hỗ trợ tự nguyện theo quy định tại Chương IV của Thông tư này;

c) Việc bầu, bổ sung, thay thế hoặc kiện toàn Ban đại diện cha mẹ học sinh theo quy định của Thông tư này.

6. Hội nghị cha mẹ học sinh không được quyết định hoặc làm phát sinh các nội dung sau đây:

a) Các khoản đóng góp mang tính bắt buộc hoặc nghĩa vụ tài chính đối với cha mẹ học sinh dưới bất kỳ hình thức nào trái quy định của pháp luật;

b) Các khoản thu thuộc trách nhiệm của cơ sở giáo dục, ngân sách nhà nước hoặc các khoản thu, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục theo quy định của pháp luật;

c) Các nội dung thuộc thẩm quyền quản trị, quản lý, điều hành hoặc hoạt động chuyên môn của cơ sở giáo dục.

Điều 14. Chế độ làm việc của Ban đại diện cha mẹ học sinh

1. Ban đại diện cha mẹ học sinh làm việc theo chế độ tập thể; các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban được thảo luận, thống nhất trên cơ sở ý kiến của đa số thành viên tham dự cuộc họp. Cuộc họp của Ban được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên tham dự.

2. Ban đại diện cha mẹ học sinh có trách nhiệm:

a) Thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Thông tư này;

b) Phối hợp với cơ sở giáo dục trong việc thực hiện các nội dung phối hợp giáo dục theo quy định tại Chương II của Thông tư này;

c) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, công khai và giải trình theo quy định của Thông tư này;

d) Quản lý, sử dụng thông tin của cha mẹ học sinh và người học đúng mục đích; bảo đảm quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân và không cung cấp, chia sẻ hoặc sử dụng thông tin trái quy định của pháp luật.

3. Ban đại diện cha mẹ học sinh chịu trách nhiệm trước Hội nghị cha mẹ học sinh về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh không được:

a) Lợi dụng vị trí, nhiệm vụ để vụ lợi hoặc tạo lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác;

b) Nhân danh Ban đại diện cha mẹ học sinh để thực hiện hoạt động ngoài phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Thông tư này;

Điều 15. Khoản hỗ trợ tự nguyện phục vụ hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh

1. Hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh được bảo đảm bằng khoản hỗ trợ tự nguyện của cha mẹ học sinh, sự hỗ trợ của cơ quan, tổ chức, cá nhân và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc tiếp nhận khoản hỗ trợ tự nguyện phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Được thực hiện trên cơ sở tự nguyện; không ép buộc, không vận động mang tính áp đặt; không quy định mức hỗ trợ bình quân, mức hỗ trợ tối thiểu hoặc dưới bất kỳ hình thức nào làm phát sinh nghĩa vụ đóng góp của cha mẹ học sinh;

b) Được sử dụng đúng mục đích đã được Hội nghị cha mẹ học sinh thống nhất; bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả;

c) Không gắn việc hỗ trợ với việc đánh giá, xếp loại, khen thưởng, kỷ luật, kết quả học tập, rèn luyện hoặc quyền, lợi ích hợp pháp của người học và cha mẹ học sinh;

d) Không sử dụng Ban đại diện cha mẹ học sinh để thực hiện các khoản thu của cơ sở giáo dục hoặc tiếp nhận, quản lý các khoản tài trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về tài trợ cho cơ sở giáo dục.

3. Cha mẹ học sinh có quyền hỗ trợ hoặc không hỗ trợ khoản hỗ trợ tự nguyện; việc không hỗ trợ không làm phát sinh sự phân biệt đối xử hoặc ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người học.

4. Khoản hỗ trợ tự nguyện quy định tại Điều này không phải là khoản thu của cơ sở giáo dục và không thay thế trách nhiệm bảo đảm kinh phí hoạt động của cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Quản lý và sử dụng khoản hỗ trợ tự nguyện

1. Khoản hỗ trợ tự nguyện được quản lý và sử dụng theo nội dung đã được Hội nghị cha mẹ học sinh thống nhất, đúng mục đích quy định tại Điều 15 của Thông tư này và theo quy định của pháp luật.

2. Khoản hỗ trợ tự nguyện chỉ được sử dụng để phục vụ hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh, bao gồm:

a) Tổ chức các hoạt động phối hợp giáo dục giữa gia đình với cơ sở giáo dục theo quy định của Thông tư này;

b) Chi cho hoạt động thông tin, liên lạc, hội họp, công khai, báo cáo, giải trình và các hoạt động cần thiết khác phục vụ hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh;

c) Nội dung chi hợp pháp khác phục vụ hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh theo nội dung đã được Hội nghị cha mẹ học sinh thống nhất.

3. Khoản hỗ trợ tự nguyện không được sử dụng để:

a) Thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm chi của ngân sách nhà nước hoặc của cơ sở giáo dục;

b) Đầu tư, mua sắm, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị hoặc thực hiện hoạt động thuộc trách nhiệm của cơ sở giáo dục;

c) Chi cho hoạt động quản lý, điều hành và hoạt động chuyên môn của cơ sở giáo dục;

d) Thực hiện nội dung chi khác trái quy định của pháp luật và Thông tư này.

4. Ban đại diện cha mẹ học sinh có trách nhiệm quản lý, sử dụng khoản hỗ trợ tự nguyện theo quy định của Thông tư này; Trường ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức việc tiếp nhận, theo dõi, quản lý, lưu giữ chứng từ, báo cáo và giải trình trước Hội nghị cha mẹ học sinh theo quy định của Thông tư này.

Điều 17. Công khai việc tiếp nhận và sử dụng khoản hỗ trợ tự nguyện

1. Ban đại diện cha mẹ học sinh có trách nhiệm công khai việc tiếp nhận và sử dụng khoản hỗ trợ tự nguyện trước cha mẹ học sinh theo quy định của Thông tư này.

2. Việc công khai được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- a) Định kỳ trong năm học;
- b) Khi kết thúc năm học;
- c) Theo yêu cầu của Hội nghị cha mẹ học sinh hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung công khai bao gồm:

- a) Các khoản hỗ trợ đã tiếp nhận;
- b) Nội dung và kết quả sử dụng khoản hỗ trợ;
- c) Số dư khoản hỗ trợ tự nguyện (nếu có);
- d) Phương án xử lý số dư khoản hỗ trợ tự nguyện (nếu có).

4. Việc công khai được thực hiện thông qua Hội nghị cha mẹ học sinh hoặc hình thức phù hợp khác, bảo đảm cha mẹ học sinh được tiếp cận đầy đủ thông tin.

5. Việc công khai quy định tại Điều này được thực hiện trên cơ sở báo cáo về việc tiếp nhận và sử dụng khoản hỗ trợ tự nguyện của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Điều 18. Bàn giao hồ sơ, tài liệu và xử lý khoản hỗ trợ khi kết thúc nhiệm kỳ

1. Khi kết thúc nhiệm kỳ, Ban đại diện cha mẹ học sinh có trách nhiệm bàn giao hồ sơ, tài liệu, chứng từ và số dư khoản hỗ trợ tự nguyện (nếu có) cho Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệm kỳ tiếp theo theo quy định của Thông tư này.

2. Số dư khoản hỗ trợ tự nguyện (nếu có) được xử lý theo nội dung đã được Hội nghị cha mẹ học sinh thống nhất và quy định của Thông tư này.

3. Việc bàn giao phải được lập thành biên bản, có xác nhận của bên bàn giao, bên tiếp nhận và sự chứng kiến của người đứng đầu cơ sở giáo dục hoặc người được người đứng đầu cơ sở giáo dục ủy quyền.

4. Trường hợp chưa thành lập được Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệm kỳ tiếp theo, người đứng đầu cơ sở giáo dục có trách nhiệm phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh để bảo quản hồ sơ, tài liệu và bảo đảm việc bảo quản số dư khoản hỗ trợ tự nguyện (nếu có) cho đến khi hoàn thành việc bàn giao theo quy định của Thông tư này.

Chương V

KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 19. Kiểm tra, giám sát

1. Cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục và người đứng đầu cơ sở giáo dục, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư này; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm:

- a) Việc thực hiện các quy định về phối hợp giáo dục giữa gia đình và cơ sở giáo dục;
- b) Việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- c) Việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng, công khai, bàn giao hồ sơ, tài liệu và số dư khoản hỗ trợ tự nguyện theo quy định của Thông tư này;
- d) Việc thực hiện trách nhiệm của cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục, người đứng đầu cơ sở giáo dục, Ban đại diện cha mẹ học sinh, cha mẹ học sinh và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của Thông tư này.

3. Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trong quá trình kiểm tra, giám sát được thực hiện theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này.

Điều 20. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Thông tư này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định của pháp luật; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh không còn đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 11 của Thông tư này hoặc có hành vi vi phạm quy định của Thông tư này thì bị xem xét miễn nhiệm, thay thế theo quy định của Thông tư này; trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Người đứng đầu cơ sở giáo dục, nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm hoặc để xảy ra vi phạm trong việc thực hiện Thông tư này thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢN THUYẾT MINH

Về dự thảo Thông tư ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh và phối hợp giáo dục giữa gia đình với cơ sở giáo dục

I. Sự cần thiết ban hành Thông tư

Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh được triển khai thực hiện trong hơn 15 năm qua, đã tạo cơ sở pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh tại các cơ sở giáo dục phổ thông; góp phần tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý và giáo dục học sinh.

Tuy nhiên, cùng với quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, hệ thống pháp luật về giáo dục đã có nhiều thay đổi; Luật Giáo dục năm 2019 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Nhà giáo và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đã bổ sung nhiều quy định mới về trách nhiệm của gia đình, cơ sở giáo dục, người đứng đầu cơ sở giáo dục và các chủ thể tham gia giáo dục. Đồng thời, thực tiễn triển khai Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT cũng bộc lộ một số hạn chế, bất cập như phạm vi điều chỉnh còn hẹp; cơ chế phối hợp giữa gia đình với cơ sở giáo dục chưa được quy định đầy đủ; việc quản lý, sử dụng các khoản hỗ trợ tự nguyện còn thiếu thống nhất; một số nơi còn xảy ra tình trạng lạm thu, vận động đóng góp không đúng quy định hoặc Ban đại diện cha mẹ học sinh tham gia vào các hoạt động vượt quá chức năng, nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, tăng cường quản trị nhà trường, thực hiện dân chủ ở cơ sở, chuyển đổi số trong giáo dục và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, hạnh phúc đòi hỏi phải hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa gia đình với cơ sở giáo dục; đồng thời cụ thể hóa quy định của Luật Giáo dục về Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Vì vậy, việc ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT là cần thiết nhằm bảo đảm sự thống nhất của hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu đổi mới quản lý giáo dục và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa gia đình với cơ sở giáo dục.

II. Quan điểm xây dựng Thông tư

Dự thảo Thông tư được xây dựng trên các quan điểm chủ yếu sau:

Thể chế hóa đầy đủ các quy định của Luật Giáo dục về Ban đại diện cha mẹ học sinh; đồng thời cụ thể hóa các quy định về trách nhiệm của gia đình, cơ sở giáo dục và các chủ thể có liên quan trong chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý và giáo dục người học.

Kế thừa các quy định của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT còn phù hợp với thực tiễn; đồng thời sửa đổi, bổ sung những nội dung không còn phù hợp hoặc đã phát sinh bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện.

Chuyển từ cách tiếp cận chủ yếu điều chỉnh tổ chức và hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh sang xây dựng cơ chế phối hợp giáo dục giữa gia đình với cơ sở giáo dục; xác định Ban đại diện cha mẹ học sinh là thiết chế đại diện của cha mẹ học sinh được thành lập để thực hiện và hỗ trợ cơ chế phối hợp giáo dục.

Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cha mẹ học sinh, Ban đại diện cha mẹ học sinh, cơ sở giáo dục, người đứng đầu cơ sở giáo dục và các chủ thể có liên quan; bảo đảm không chồng chéo với Luật Giáo dục, Điều lệ nhà trường và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; phòng ngừa lạm thu, bảo đảm mọi khoản hỗ trợ của cha mẹ học sinh đều trên cơ sở tự nguyện, đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật.

III. NỘI DUNG ĐƯỢC KẾ THỪA TỪ THÔNG TƯ SỐ 55/2011/TT-BGDĐT

Dự thảo Thông tư kế thừa các quy định đã được thực tiễn kiểm nghiệm và còn phù hợp, gồm:

Tiếp tục khẳng định Ban đại diện cha mẹ học sinh là tổ chức đại diện của cha mẹ học sinh, được thành lập theo nguyên tắc tự nguyện để phối hợp với cơ sở giáo dục trong chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý và giáo dục người học.

Tiếp tục duy trì mô hình Ban đại diện cha mẹ học sinh ở lớp và ở cơ sở giáo dục; nhiệm kỳ của Ban đại diện cha mẹ học sinh là một năm học.

Kế thừa nguyên tắc tự nguyện trong việc hỗ trợ hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh; không quy định mức hỗ trợ bình quân, không ép buộc cha mẹ học sinh đóng góp.

Tiếp tục quy định không sử dụng các khoản hỗ trợ của Ban đại diện cha mẹ học sinh để thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm chỉ của Nhà nước hoặc của cơ sở giáo dục.

Tiếp tục khẳng định vai trò phối hợp của Ban đại diện cha mẹ học sinh với cơ sở giáo dục trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý và giáo dục người học.

IV. NHỮNG NỘI DUNG ĐỔI MỚI CHỦ YẾU

1. Mở rộng phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

So với Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT, dự thảo mở rộng phạm vi điều chỉnh, không chỉ quy định về tổ chức và hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh mà còn quy định đầy đủ về phối hợp giáo dục giữa gia đình với cơ sở giáo dục; trách nhiệm của các chủ thể tham gia phối hợp; quản lý khoản hỗ trợ tự nguyện; kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm.

Đồng thời, dự thảo mở rộng đối tượng áp dụng, bao gồm cha mẹ học sinh, người giám hộ hợp pháp, Ban đại diện cha mẹ học sinh, các cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông, cơ quan quản lý giáo dục, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan nhằm bảo đảm phù hợp với Luật Giáo dục và thực tiễn tổ chức giáo dục hiện nay.

2. Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa gia đình với cơ sở giáo dục

Lần đầu tiên, dự thảo quy định tương đối đầy đủ về nội dung, hình thức phối hợp; trách nhiệm của cha mẹ học sinh, cơ sở giáo dục, người đứng đầu cơ sở giáo dục và các chủ thể có liên quan; đồng thời bổ sung cơ chế đối thoại, tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị nhằm tăng cường sự đồng hành giữa gia đình với cơ sở giáo dục trong chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý và giáo dục người học.

3. Làm rõ vị trí, chức năng của Ban đại diện cha mẹ học sinh

Dự thảo xác định rõ Ban đại diện cha mẹ học sinh là tổ chức đại diện của cha mẹ học sinh; không có tư cách pháp nhân; không thực hiện chức năng quản trị, quản lý hoặc

điều hành cơ sở giáo dục; không can thiệp vào hoạt động quản lý, hoạt động chuyên môn của cơ sở giáo dục và không làm phát sinh nghĩa vụ tài chính đối với cha mẹ học sinh.

4. Hoàn thiện cơ chế quản lý khoản hỗ trợ tự nguyện

Dự thảo quy định đầy đủ nguyên tắc tiếp nhận, quản lý, sử dụng, công khai, bàn giao và xử lý khoản hỗ trợ tự nguyện theo hướng công khai, minh bạch, đúng mục đích; đồng thời phân định rõ khoản hỗ trợ của Ban đại diện cha mẹ học sinh với các khoản thu của cơ sở giáo dục và các khoản tài trợ theo quy định của pháp luật.

5. Tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình

Dự thảo bổ sung các quy định về công khai, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm; làm rõ trách nhiệm của cơ sở giáo dục, người đứng đầu cơ sở giáo dục và Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc tổ chức thực hiện Điều lệ; góp phần phòng ngừa lạm thu, nâng cao hiệu quả quản lý và bảo đảm quyền giám sát của cha mẹ học sinh.

6. Đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và đổi mới quản trị nhà trường

Dự thảo bổ sung các quy định về trao đổi thông tin trên môi trường số, bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong phối hợp giữa gia đình với cơ sở giáo dục; đồng thời bổ sung các quy định về tư vấn, hỗ trợ người học và công tác xã hội trong trường học, phù hợp với yêu cầu đổi mới quản trị nhà trường và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, hạnh phúc.

V. MỘT SỐ NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ TẬP TRUNG GÓP Ý

Để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Thông tư, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cha mẹ học sinh, các nhà khoa học, chuyên gia, tổ chức và cá nhân tập trung góp ý đối với các nhóm nội dung sau:

1. Tên gọi, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Thông tư.
2. Cơ chế phối hợp giữa gia đình với cơ sở giáo dục; trách nhiệm của các chủ thể trong phối hợp giáo dục.
3. Vị trí, tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.
4. Quy định về Hội nghị cha mẹ học sinh.
5. Quy định về khoản hỗ trợ tự nguyện; cơ chế quản lý, sử dụng, công khai và giám sát.
6. Tính thống nhất, tính khả thi và các nội dung khác của dự thảo Thông tư.